

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ PP ENTERPRISE**

*(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ PP ENTERPRISE**

Tầng 12, Tòa nhà Diamond Flower Tower, Số 48 Đường Lê Văn Lương  
Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

---

**MỤC LỤC**

| <u>NỘI DUNG</u>                                   | <u>TRANG</u> |
|---|--------------|
| BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ                     | 1 - 2        |
| BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ   | 3            |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ                 | 4 - 5        |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ | 6            |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ           | 7            |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ        | 8 - 15       |

U.N.  
T  
P  
THA

AN-01  
D  
V  
Đ

## CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ PP ENTERPRISE

Tầng 12, Tòa nhà Diamond Flower Tower, Số 48 Đường Lê Văn Lương,  
Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư PP Enterprise (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này gồm:

##### Hội đồng Quản trị

|                      |  |
|----------------------|--|
| Ông Trần Đức Hiệp    | Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 14 tháng 02 năm 2025)    |
| Ông Hoàng Việt       | Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 14 tháng 02 năm 2025)  |
| Ông Trương Xuân Bình | Thành viên (bổ nhiệm ngày 19 tháng 5 năm 2025)   |
| Ông Phạm Bách Huy    | Thành viên (bổ nhiệm ngày 19 tháng 5 năm 2025)   |
| Ông Nguyễn Mạnh Tuấn | Thành viên (miễn nhiệm ngày 19 tháng 5 năm 2025) |
| Bà Lê Tuyết Mai      | Thành viên (miễn nhiệm ngày 19 tháng 5 năm 2025) |

##### Ban Giám đốc

|                      |  |
|----------------------|--|
| Ông Trương Xuân Bình | Giám đốc (bổ nhiệm ngày 19 tháng 5 năm 2025)   |
| Ông Nguyễn Mạnh Tuấn | Giám đốc (miễn nhiệm ngày 19 tháng 5 năm 2025) |

##### Ban Kiểm soát

|                       |  |
|-----------------------|--|
| Ông Nguyễn Thanh Tùng | Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 16 tháng 5 năm 2025)   |
| Bà Nguyễn Thị Thanh   | Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 16 tháng 5 năm 2025) |
| Ông Vũ Quốc Hoàn      | Thành viên (bổ nhiệm ngày 19 tháng 5 năm 2025)   |
| Bà Cao Thùy Linh      | Thành viên (bổ nhiệm ngày 19 tháng 5 năm 2025)   |
| Ông Lê Văn Huy        | Thành viên (miễn nhiệm ngày 19 tháng 5 năm 2025) |
| Ông Nguyễn Thanh Tùng | Thành viên (miễn nhiệm ngày 16 tháng 5 năm 2025) |

#### TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Hội đồng Quản trị được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ PP ENTERPRISE**

Tầng 12, Tòa nhà Diamond Flower Tower, Số 48 Đường Lê Văn Lương,  
Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (Tiếp theo)**

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Hội đồng Quản trị cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Hội đồng Quản trị xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng Quản trị,



Trần Đức Hiệp

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 13 tháng 8 năm 2025

## BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư PP Enterprise

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư PP Enterprise (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 13 tháng 8 năm 2025, từ trang 04 đến trang 15, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hoàng Lan Hương

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0898-2023-001-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 13 tháng 8 năm 2025

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị: VND

| TÀI SẢN                                     | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối kỳ            | Số đầu kỳ             |
|---|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                  | <b>100</b> |             | <b>15.763.670.318</b> | <b>11.526.644.682</b> |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền       | 110        | 4           | 10.447.011.749        | 3.584.764.211         |
| 1. Tiền                                     | 111        |             | 10.447.011.749        | 2.680.896.185         |
| 2. Các khoản tương đương tiền               | 112        |             | -                     | 903.868.026           |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn               | 120        |             | 5.000.000.000         | 7.303.107.526         |
| 1. Chứng khoán kinh doanh                   | 121        |             | -                     | 2.316.709.328         |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122        |             | -                     | (13.601.802)          |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn          | 123        | 5           | 5.000.000.000         | 5.000.000.000         |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn            | 130        |             | 297.728.219           | 620.348.251           |
| 1. Trả trước cho người bán ngắn hạn         | 132        | 6           | 91.920.000            | -                     |
| 2. Phải thu ngắn hạn khác                   | 136        | 7           | 205.808.219           | 620.348.251           |
| IV. Tài sản ngắn hạn khác                   | 150        |             | 18.930.350            | 18.424.694            |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn               | 151        |             | 11.000.000            | 7.700.000             |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ      | 152        |             | 7.930.350             | 7.930.350             |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153        | 8           | -                     | 2.794.344             |
| <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                   | <b>200</b> |             | <b>-</b>              | <b>5.250.000.000</b>  |
| I. Các khoản phải thu dài hạn               | 210        |             | -                     | 5.250.000.000         |
| 1. Phải thu về cho vay dài hạn              | 215        |             | -                     | 5.250.000.000         |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>      | <b>270</b> |             | <b>15.763.670.318</b> | <b>16.776.644.682</b> |

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị: VND

| NGUỒN VỐN  | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối kỳ            | Số đầu kỳ             |
|--|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>                              | <b>300</b> |             | <b>1.395.552.548</b>  | <b>2.548.737.107</b>  |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                              | <b>310</b> |             | <b>1.395.552.548</b>  | <b>2.548.737.107</b>  |
| 1. Người mua trả tiền trước ngắn hạn               | 312        | 9           | 1.271.389.617         | 1.301.389.617         |
| 2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước             | 313        | 8           | 35.387.441            | 571.279.926           |
| 3. Phải trả người lao động                         | 314        |             | 7.550.228             | 6.996.052             |
| 4. Chi phí phải trả ngắn hạn                       | 315        | 10          | 76.000.000            | 663.846.250           |
| 5. Phải trả ngắn hạn khác                          | 319        |             | 5.225.262             | 5.225.262             |
| <b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                           | <b>400</b> |             | <b>14.368.117.770</b> | <b>14.227.907.575</b> |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                           | <b>410</b> | <b>11</b>   | <b>14.368.117.770</b> | <b>14.227.907.575</b> |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu                          | 411        |             | 20.000.000.000        | 20.000.000.000        |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết           | 411a       |             | 20.000.000.000        | 20.000.000.000        |
| 2. Quỹ đầu tư phát triển                           | 418        |             | 146.866.588           | 146.866.588           |
| 3. (Lỗ) sau thuế chưa phân phối                    | 421        |             | (5.778.748.818)       | (5.918.959.013)       |
| - (Lỗ) sau thuế chưa phân phối                     | 421a       |             | (5.918.959.013)       | (8.987.995.518)       |
| lũy kế đến cuối năm trước                          |            |             |                       |                       |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/năm nay | 421b       |             | 140.210.195           | 3.069.036.505         |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b><br>(440=300+400)        | <b>440</b> |             | <b>15.763.670.318</b> | <b>16.776.644.682</b> |



Kiều Anh Tuyên  
Người lập biểu/Kế toán trưởng



Trần Đức Hiệp  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 13 tháng 8 năm 2025

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU  | Mã số | Thuyết minh | Kỳ này      | Kỳ trước      |
|---|-------|-------------|-------------|---------------|
|   |       |             |             |               |
| 1. Doanh thu bán hàng   | 01    |             | -           | 1.205.718.600 |
| 2. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01)                        | 10    |             | -           | 1.205.718.600 |
| 3. Giá vốn hàng bán   | 11    |             | -           | 1.203.105.840 |
| 4. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10-11)                       | 20    |             | -           | 2.612.760     |
| 5. Doanh thu hoạt động tài chính                              | 21    | 12          | 589.706.462 | 783.359.861   |
| 6. Chi phí tài chính  | 22    | 13          | 207.401.717 | 203.854.555   |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay                                   | 23    |             | 202.606.308 | 21.838.973    |
| 7. Chi phí quản lý doanh nghiệp                               | 26    | 14          | 207.042.001 | 239.062.102   |
| 8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-26) | 30    |             | 175.262.744 | 343.055.964   |
| 9. Thu nhập khác  | 31    |             | -           | 4.834.602     |
| 10. Chi phí khác  | 32    |             | -           | 605.261       |
| 11. Lợi nhuận khác (40=31-32)                                 | 40    |             | -           | 4.229.341     |
| 12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)              | 50    |             | 175.262.744 | 347.285.305   |
| 13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành              | 51    | 15          | 35.052.549  | -             |
| 14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)       | 60    |             | 140.210.195 | 347.285.305   |
| 15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                                  | 70    | 16          | 70          | 174           |


Kiều Anh Tuyên  
Người lập biểu/Kế toán trưởngTrần Đức Hiệp  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

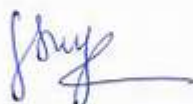
Ngày 13 tháng 8 năm 2025

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU   | Mã số | Kỳ này           | Kỳ trước        |
|--|-------|------------------|-----------------|
| <b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>  |       |                  |                 |
| 1. Lợi nhuận trước thuế  | 01    | 175.262.744      | 347.285.305     |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản:   |       |                  |                 |
| Các khoản dự phòng   | 03    | (13.601.802)     | 14.008.332      |
| Lãi từ hoạt động đầu tư  | 05    | (455.931.407)    | (225.753.425)   |
| Chi phí lãi vay  | 06    | 202.606.308      | 21.838.973      |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động                             | 08    | (91.664.157)     | 157.379.185     |
| Thay đổi các khoản phải thu  | 09    | 482.029.344      | 7.221.472.565   |
| Thay đổi các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11    | (854.027.256)    | (103.117.600)   |
| Thay đổi chi phí trả trước   | 12    | (3.300.000)      | (800.002)       |
| Thay đổi chứng khoán kinh doanh  | 13    | 2.316.709.328    | (2.110.634.985) |
| Tiền lãi vay đã trả  | 14    | (202.606.308)    | (21.838.973)    |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp  | 15    | (568.209.852)    | -               |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh  | 20    | 1.078.931.099    | 5.142.460.190   |
| <b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>   |       |                  |                 |
| 1. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác                              | 24    | 5.250.000.000    | -               |
| 2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác   | 25    | (42.360.000.000) | -               |
| 3. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác   | 26    | 42.594.000.000   | -               |
| 4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                                       | 27    | 299.316.439      | 26.301.370      |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư  | 30    | 5.783.316.439    | 26.301.370      |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30)  | 50    | 6.862.247.538    | 5.168.761.560   |
| Tiền đầu kỳ  | 60    | 3.584.764.211    | 3.391.407.676   |
| Tiền cuối kỳ (70=50+60)  | 70    | 10.447.011.749   | 8.560.169.236   |


Kiều Anh Tuyên  
Người lập biểu/Kế toán trưởngTrần Đức Hiệp  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 13 tháng 8 năm 2025

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư PP Enterprise (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102403985 do Sở Tài chính thành phố Hà Nội (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội) cấp lần đầu ngày 31 tháng 10 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 17 được cấp ngày 20 tháng 02 năm 2025.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên Sàn Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) từ ngày 21 tháng 9 năm 2011 với mã chứng khoán là PPE.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 1 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 1).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu;
- Phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống xây dựng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng, hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu; tư vấn quản lý;
- Vận tải hàng hóa; bốc xếp kho bãi lưu giữ hàng hóa;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sở hữu đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Khai khoáng, khai thác quặng sắt, quặng kim loại khác;
- Xây dựng nhà; xây dựng công trình đường, điện, cấp thoát nước, công trình công ích khác;
- Bảo dưỡng, sửa chữa xe, bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ xe;
- Cho thuê xe có động cơ, máy móc, thiết bị, tài sản vô hình phi tài chính.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ hiện tại là đầu tư tài chính.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính giữa niên độ**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỲ KẾ TOÁN

### **Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### **Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này của Công ty được lập cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ:

### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Hội đồng Quản trị phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Hội đồng Quản trị, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

### **Các khoản đầu tư tài chính**

#### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn, bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

#### **Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

#### **Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và khó có khả năng thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### **Ghi nhận doanh thu tài chính**

Lãi tiền gửi, cho vay được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi, cho vay và lãi suất áp dụng.

Lãi từ việc bán các khoản đầu tư vào công ty liên kết, hoạt động mua, bán chứng khoán kinh doanh, doanh thu được ghi nhận là số chênh lệch giữa giá bán lớn hơn giá vốn, trong đó giá vốn là giá trị ghi sổ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền, giá bán được tính theo giá trị hợp lý của khoản nhận được.

#### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

|  | Số cuối kỳ<br>VND     | Số đầu kỳ<br>VND     |
|--|-----------------------|----------------------|
| Tiền gửi thanh toán tại ngân hàng, công ty chứng khoán | 10.447.011.749        | 2.141.049.935        |
| Tiền đang chuyển                                       | -                     | 539.846.250          |
| Các khoản tương đương tiền                             | -                     | 903.868.026          |
|  | <b>10.447.011.749</b> | <b>3.584.764.211</b> |

**5. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

|                        | Số cuối kỳ<br>VND      | Số đầu kỳ<br>VND       |
|------------------------|------------------------|------------------------|
|                        | Giá gốc/Giá trị ghi sổ | Giá gốc/Giá trị ghi sổ |
| Tiền gửi có kỳ hạn (i) | 5.000.000.000          | 5.000.000.000          |
|                        | <b>5.000.000.000</b>   | <b>5.000.000.000</b>   |

(i) Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Đồng Đô với lãi suất 4,8%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 4,8%/năm).

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

|                                      | Số cuối kỳ<br>VND | Số đầu kỳ<br>VND |
|--------------------------------------|-------------------|------------------|
| Công ty Cổ phần Chứng khoán UP       | 66.000.000        | -                |
| Công ty Cổ phần Thẩm định giá Caliva | 25.920.000        | -                |
|                                      | <b>91.920.000</b> | <b>-</b>         |

**7. PHẢI THU KHÁC**

|   | Số cuối kỳ<br>VND  | Số đầu kỳ<br>VND   |
|---|--------------------|--------------------|
| Lãi dự thu tiền gửi và cho vay          | 205.808.219        | 283.193.251        |
| Phải thu tiền chuyển nhượng chứng khoán | -                  | 337.155.000        |
|   | <b>205.808.219</b> | <b>620.348.251</b> |

8. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

|   | Số đầu kỳ<br>VND   | Số phải nộp<br>trong kỳ<br>VND | Số bù trừ<br>trong kỳ<br>VND | Số đã thực<br>nộp/hoàn<br>nhập trong kỳ<br>VND | Số cuối kỳ<br>VND |
|---|--------------------|--------------------------------|------------------------------|--|-------------------|
| <b>a. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước</b> |                    |                                |                              |  |                   |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp                    | 2.794.344          | -                              | 2.794.344                    | -  | -                 |
|   | <b>2.794.344</b>   | <b>-</b>                       | <b>2.794.344</b>             | <b>-</b>                                       | <b>-</b>          |
| <b>b. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b> |                    |                                |                              |  |                   |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp                    | 571.004.196        | 35.052.549                     | 2.794.344                    | 568.209.852                                    | 35.052.549        |
| Thuế thu nhập cá nhân                         | 275.730            | 14.866.071                     | -                            | 14.806.909                                     | 334.892           |
| Thuế khác                                     | -                  | 3.000.000                      | -                            | 3.000.000                                      | -                 |
|   | <b>571.279.926</b> | <b>52.918.620</b>              | <b>2.794.344</b>             | <b>586.016.761</b>                             | <b>35.387.441</b> |

9. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

|   | Số cuối kỳ<br>VND    | Số đầu kỳ<br>VND     |
|---|----------------------|----------------------|
| Ban Quản lý dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch | 1.188.261.442        | 1.218.261.442        |
| Ban Quản lý dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2            | 50.128.175           | 50.128.175           |
| Ban Điều hành các dự án của PVC Tại Hà Nội                | 33.000.000           | 33.000.000           |
|   | <b>1.271.389.617</b> | <b>1.301.389.617</b> |

10. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

|                            | Số cuối kỳ<br>VND | Số đầu kỳ<br>VND   |
|----------------------------|-------------------|--------------------|
| Chi phí kiểm toán          | 76.000.000        | 94.000.000         |
| Chứng khoán chờ thanh toán | -                 | 539.846.250        |
| Chi phí phải trả khác      | -                 | 30.000.000         |
|                            | <b>76.000.000</b> | <b>663.846.250</b> |

11. THAY ĐỔI TRONG VỐN CHỦ SỞ HỮU

|  | Vốn góp<br>của chủ sở hữu<br>VND | Quỹ đầu tư<br>phát triển<br>VND | (Lỗ) sau thuế<br>chưa phân phối<br>VND | Cộng<br>VND    |
|--|----------------------------------|---------------------------------|--|----------------|
| <b>Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024</b> |                                  |                                 |  |                |
| Số dư đầu kỳ trước   | 20.000.000.000                   | 146.866.588                     | (8.987.995.518)                        | 11.158.871.070 |
| Lợi nhuận trong kỳ   | -                                | -                               | 347.285.305                            | 347.285.305    |
| Số dư cuối kỳ trước  | 20.000.000.000                   | 146.866.588                     | (8.640.710.213)                        | 11.506.156.375 |
| <b>Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025</b> |                                  |                                 |  |                |
| Số dư đầu kỳ này   | 20.000.000.000                   | 146.866.588                     | (5.918.959.013)                        | 14.227.907.575 |
| Lợi nhuận trong kỳ   | -                                | -                               | 140.210.195                            | 140.210.195    |
| Số dư cuối kỳ này  | 20.000.000.000                   | 146.866.588                     | (5.778.748.818)                        | 14.368.117.770 |

**Vốn điều lệ:**

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh gần nhất, vốn điều lệ của Công ty là 20.000.000.000 VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ.

| Cổ phiếu                               | Số cuối kỳ | Số đầu kỳ |
|--|------------|-----------|
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 2.000.000  | 2.000.000 |
| Cổ phiếu phổ thông                     | 2.000.000  | 2.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành        | 2.000.000  | 2.000.000 |
| Cổ phiếu phổ thông                     | 2.000.000  | 2.000.000 |

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Ngày 19 tháng 5 năm 2025, Đại hội đồng Cổ đông Công ty đã thông qua theo Nghị quyết số 90/2025/PPE/NQ-ĐHĐCĐ về việc chào bán cổ phần riêng lẻ để tăng vốn điều lệ Công ty. Theo đó, Công ty dự kiến chào bán 1.600.000 cổ phần với giá trị chào bán thu về dự kiến là 16 tỷ VND, thời gian thực hiện trong năm 2025, trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có văn bản chấp thuận chào bán cổ phần của Công ty. Vốn huy động từ đợt chào bán dự kiến được sử dụng để đầu tư nhận chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần Thương mại VLXD Hòa Bình Minh, một công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thép, xi măng, vật liệu xây dựng. Hiện tại, Công ty đang tiếp tục các công việc để thực hiện tăng vốn điều lệ theo phương án đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua này.

**12. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

|                            | Kỳ này<br>VND      | Kỳ trước<br>VND    |
|----------------------------|--------------------|--------------------|
| Lãi bán các khoản đầu tư   | 234.000.000        | -                  |
| Lãi kinh doanh chứng khoán | 133.775.055        | 506.716.043        |
| Lãi tiền gửi               | 124.338.940        | 50.890.393         |
| Lãi cho vay                | 97.592.467         | 225.753.425        |
|                            | <b>589.706.462</b> | <b>783.359.861</b> |

**13. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

|  | Kỳ này<br>VND      | Kỳ trước<br>VND    |
|--|--------------------|--------------------|
| Chi phí lãi vay                                      | 202.606.308        | 21.838.973         |
| Lỗ kinh doanh chứng khoán                            | 18.199.075         | 167.738.141        |
| (Hoàn nhập)/Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | (13.601.802)       | 14.008.332         |
| Khác   | 198.136            | 269.109            |
|  | <b>207.401.717</b> | <b>203.854.555</b> |

14. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP VÀ CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

|                                   | Kỳ này<br>VND      | Kỳ trước<br>VND    |
|-----------------------------------|--------------------|--------------------|
| Chi phí nhân viên quản lý         | 62.368.677         | 129.586.238        |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài         | 134.361.645        | 91.118.364         |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp khác | 10.311.679         | 18.357.500         |
|                                   | <b>207.042.001</b> | <b>239.062.102</b> |

15. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong kỳ được tính như sau:

|  | Kỳ này<br>VND     | Kỳ trước<br>VND |
|--|-------------------|-----------------|
| Lợi nhuận trước thuế                         | 175.262.744       | 347.285.305     |
| Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế            |                   |                 |
| Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ  | -                 | 605.261         |
| Chuyển lỗ                                    | -                 | 347.890.566     |
| Thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành              | 175.262.744       | -               |
| Thuế suất (%)                                | 20                | 20              |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | <b>35.052.549</b> | -               |

16. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

|  | Kỳ này      | Kỳ trước    |
|--|-------------|-------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)         | 140.210.195 | 347.285.305 |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)  | 140.210.195 | 347.285.305 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu) | 2.000.000   | 2.000.000   |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)                                 | <b>70</b>   | <b>174</b>  |

Lợi nhuận dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 chưa được điều chỉnh do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm nay. Nếu Công ty trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, chỉ tiêu "Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông" có thể điều chỉnh giảm, dẫn đến việc "Lãi cơ bản trên cổ phiếu" giảm tương ứng. Việc trích lập quỹ sẽ phụ thuộc vào việc phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông và sẽ được điều chỉnh sau khi có nghị quyết phê duyệt (nếu có).

17. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong kỳ:

| Bên liên quan        | Mối quan hệ                                       |
|----------------------|---|
| Ông Trương Xuân Bình | Thành viên chủ chốt (từ ngày 19 tháng 5 năm 2025) |
| Ông Hoàng Việt       | Chủ tịch HĐQT (đến ngày 14 tháng 02 năm 2025)     |

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan sau đây:

|                      | Kỳ này<br>VND  | Kỳ trước<br>VND |
|----------------------|----------------|-----------------|
| Nhận tiền vay        | 17.444.000.000 | -               |
| Ông Trương Xuân Bình | 17.444.000.000 | -               |
| Trả tiền vay         | 17.444.000.000 | -               |
| Ông Trương Xuân Bình | 17.444.000.000 | -               |
| Lãi vay              | 202.606.308    | -               |
| Ông Trương Xuân Bình | 202.606.308    | -               |
| Lãi cho vay          | -              | 97.592.467      |
| Ông Hoàng Việt       | -              | 97.592.467      |

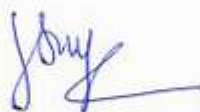
Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

|                | Kỳ này<br>VND | Kỳ trước<br>VND |
|----------------|---------------|-----------------|
| Ông Hoàng Việt | -             | 54.474.000      |
|                | -             | 54.474.000      |

Ban Kiểm soát và Giám đốc Công ty không nhận thu nhập trong kỳ từ Công ty.

#### 18. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ngày 28 tháng 7 năm 2025, Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 124/2025/PPE/NQ-HĐQT về việc đầu tư nhận chuyển nhượng phần vốn góp tại Công ty TNHH Hòa Bình Minh Nghệ An, hoạt động kinh doanh chính hiện tại là bán buôn kim loại và quặng kim loại. Theo đó, Công ty nhận chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp trị giá 4.480.000.000 VND, tương ứng 70% vốn điều lệ từ ông Bùi Minh Lực với tổng giá trị chuyển nhượng là 4.620.000.000 VND. Ngày 01 tháng 8 năm 2025, Công ty đã chuyển tiền và hoàn tất giao dịch nhận chuyển nhượng vốn nêu trên. Công ty TNHH Hòa Bình Minh Nghệ An trở thành công ty con của Công ty kể từ ngày này.



Kiều Anh Tuyền  
Người lập biểu/Kế toán trưởng



Trần Đức Hiệp  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 13 tháng 8 năm 2025